

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ-TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thanh
2. Bà Trần Thị Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên
tòa:** Ông Ngô Minh Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; trú tại: Tổ 4, khối phố Hương Trà Đg, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh Ch, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 4, khối phố Hương Trà Đ, phường H, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh Ch sống chung với nhau từ năm 2010 và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường HH, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Ch có người phụ nữ khác bên ngoài nên thường xuyên gây gổ, đánh đập bà, có lúc ông đã đánh bà ngay giữa đường phố. Bản thân bà đã cố gắng vì con để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 25/02/2011, ly hôn bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Thanh Ch: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đến bị đơn, nhưng ông Ch không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc; do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử xét xử theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh Ch, theo quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến ông Trần Thanh Ch, tuy nhiên ông Ch không hợp tác, vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch theo luật định.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Thanh Ch đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường HH, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống bà B cho rằng ông Ch thường xuyên gây gổ, xúc phạm bà nên bà không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến ông Ch, nhưng ông Ch đều vắng mặt và không có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi đến Tòa án để nói rõ quan điểm của mình về yêu cầu ly hôn của bà B, do đó không có căn cứ để Tòa án xem xét cho vợ chồng đoàn tụ. Nay xét mâu thuẫn vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà B cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B, bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Thanh Ch.

- Về con chung: Có một con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 25/02/2011, bà B yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện tại cháu T đang ở với bà B, bà B có thu nhập ổn định, cháu T cũng có nguyện

vọng xin ở với mẹ nên cần tiếp tục giao cháu T cho bà B trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng; bà B không yêu cầu ông Ch phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà B phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn ông Trần Thanh Ch về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung”

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Thanh Ch.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 25/02/2011 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành, bà B không yêu cầu ông Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010042 ngày 14-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND phường HH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

,